TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28/8/2020
V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung giữa anh B và chị N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Doanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và bà Phạm Hồng Thiêm

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 176/2020/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020và quyết định hoãn phiên tòa số 30/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Thôn B, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Anh B, chị N đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2020, bản tự khai ngày 07/7/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2020, nguyên đơn anh Hoàng Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N tự nguyện tìm hiểu và cưới có đăng ký kết hôn ngày 28/12/2011 tại UBND xã T (nay là xã S), huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn anh B và chị N vẫn chung sống tại thôn B, xã T (nay là xã S) và lao động tự do. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh B và chị N đã ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay. Nay anh B xác định không còn tình cảm gì với chị N nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn

chị N.

Về con chung: Anh và chị N có một con chung là Hoàng Việt C, sinh ngày 12/01/2013, hiện con chung đang ở với chị N từ khi vợ chồng ly thân. Ly hôn anh B đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Việt C , anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Theo bản tự khai đề ngày 07/7/2020 và biên bản lấy lời khai đề ngày 31/7/2020, bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N xác nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như anh B trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã T (nay là xã S). Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau. Chị N đã đưa con về nhà mẹ đẻ chị sinh sống từ tháng 04/2020 và anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, không còn hỏi han quan tâm đến nhau nữa. Nay anh B xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh B có một con chung như anh B đã trình bày, hiện nay con chung đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Việt C, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 24/7/2020 Ủy ban nhân dân xã Sơn Hà, huyện Thái Thụy và cơ sở thôn cung cấp như sau:

Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1984 và Nguyễn Thị N, sinh năm 1991 đều là công dân có hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình. Anh B và chị N có tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã S), huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/12/2011. Sau khi kết hôn, anh B và chị N chung sống với nhau được một thời gian thì chị N bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, theo thông tin địa phương được biết vợ chồng anh B và chị N có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp. Cơ sở thôn, hội phụ nữ đã hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng Anh B, chị N vẫn nhất quyết ly hôn. Chị N và anh B đã ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay. Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã Sơn Hà về việc anh B xin ly hôn chị N là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh B chị N có 01 con chung là cháu Hoàng Việt C, sinh ngày 12/01/2013, Nếu Anh B, chị N ly hôn đề nghị Tòa án giao con chung cho anh B nuôi dưỡng vì xét về điều kiện kinh tế gia đình thì anh B có điều kiện kinh tế hơn chị N. Anh B có công việc với mức thu nhập ổn định, gia đình anh B sống nề nếp gia phong, bố anh B có lương hưu, khoảng cách từ nhà anh B đến trường rất gần, thuận lợi cho các cháu đi học. Trong khi đó công việc của chị N chưa ổn định, môi trường sinh sống gần bờ sông khả năng đảm bảo an toàn cho trẻ thấp. Chị N đang sống cùng mẹ đẻ tại thôn Nam Cường, xã Sơn Hà

nhưng mẹ đẻ chị N sức khỏe kém, cũng thường xuyên ốm yếu. Khoảng cách từ nhà chị N đến trường xa. Nếu tòa án giải quyết cho anh B chị N ly hôn để đảm bảo quyền lợi cho cháu, đề nghị giao cháu Cường cho anh B nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Anh B, chị N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, địa phương không có ý kiến gì.

Tại đơn xin xác nhận đề ngày 19/8/2020 và đơn xin xác nhận ngày 25/8/2020 của anh Hoàng Văn B thì Công an xã Sơn Hà và trường Tiểu học và trung học cơ sở T đều xác nhận anh B có điều kiện chăm sóc cháu Cường tốt hơn chị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình xử cho anh Hoàng Văn B được ly hôn chị Nguyễn Thị N; Về quan hệ con chung: Giao con chung Hoàng Việt C, sinh ngày 12/01/2013 cho anh B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh B không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Chị N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật; Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh B, chị N không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Anh B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cà căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Sơn Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, hiện nay chị N đang sinh sống và lao động tại địa phương, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của Anh B, chị N và cháu Hoàng Việt C, xác minh về tình trạng hôn nhân và điều kiện nuôi con của vợ chồng, vì vậy đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã S), huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/12/2011. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn trong quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng từ tháng 4 năm 2020, chị N cùng cháu Cường đã

chuyển về nhà mẹ đẻ chị N ở Thôn N, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình sinh sống từ đó đến nay. Hiện nay, cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị N cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh B xin ly hôn chị N cũng đồng ý. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị N đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh B cương quyết xin ly hôn, cần xử cho anh B được ly hôn chị N là phù hợp với thực tế và quy định tại điều 51, 53 và 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Anh B và chị N có một con chung là Hoàng Việt C, sinh ngày 12/01/2013. Ly hôn Anh B, chị N đều có nguyện vọng được nuôi con là hoàn toàn chính đáng, mức thu nhập của Anh B, chị N không quá chênh lệch nhau, mặc dù cháu Cường trình bày cháu có nguyện vọng xin được ở với chị N từ khi vợ chồng ly hôn. Tuy nhiên cũng xét hoàn cảnh điều kiện thực tế nuôi cháu Cường thì thấy chị N đi làm xa tại Khu công nghiệp N, thành phố T, khoảng cách từ nhà chị N đến công ty xa là 20km, mẹ chị N sức khỏe kém, không có lương. Trong khi đó Anh B đi làm công ty gần nhà tại xã Sơn Hà, huyện Thái Thụy, bố anh B là có lương hưu, tại đơn xin xác nhận trường Tiểu học và trung học cơ sở T xác nhận trong thời gian vợ chồng anh B chị N sinh sống với nhau thì từ khi học mầm non lên tiểu học bố mẹ anh B đưa đón cháu Cường đi học đảm bảo an toàn tuyệt đối, xác nhận anh B có điều kiện chăm sóc cháu Cường tốt hơn chị N. Chính quyền địa phương UBND xã S đề nghị giao con chung cho anh B nuôi dưỡng vì anh B có điều kiện về sinh hoạt và thời gian chăm sóc con hơn chị N. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu Cường, Hội đồng xét xử cần xử giao con chung Hoàng Việt C cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận việc anh B không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh B và chị N đều không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Anh B phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh B và chị N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị

Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn B được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn B trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Việt C, sinh ngày 12/01/2013. Anh B không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Hoàng Văn B phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000đ anh B đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002287 ngày 07/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/8/2020)./

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã S
- Lưu HCTP
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Quốc Doanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Doanh